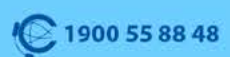




2024 Hợp lực
Báo cáo thường niên *Vườn xa*

Hội sở chính

Tòa nhà Corner Stone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội



MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN

Thông điệp của Ban lãnh đạo	05
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	07
Định hướng phát triển	08
Địa bàn hoạt động	09
Sơ đồ tổ chức	10
Hội đồng Quản trị	12
Ban Kiểm soát	13
Ban Điều hành	14
Hành trình phát triển	16
Hoạt động nổi bật năm 2024	18

02 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024	20
Ngân hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp	22
Kinh doanh Thẻ và Ngân hàng điện tử	26
Kinh doanh tiền tệ	28
Mạng lưới BAOVIET Bank	30

03 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán độc lập	36
Báo cáo tình hình tài chính	37
Báo cáo kết quả hoạt động	40
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	41
Thuyết minh báo cáo tài chính	43

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ban Tổng Giám đốc	BTGD
Ban lãnh đạo	BLĐ
Bancassurance	Banca
Ban Kiểm soát	BKS
Cán bộ nhân viên	CBNV
Công nghệ thông tin	CNTT
Chi nhánh	CN
Đại hội đồng cổ đông	ĐHĐCĐ
Đơn vị kinh doanh	ĐVKD
Đơn vị thành viên	ĐVTV
Hội đồng Quản trị	HĐQT
Khách hàng doanh nghiệp	KHDN
Khách hàng cá nhân	KHCN
Ngân hàng bán lẻ	NHBL
Ngân hàng doanh nghiệp	NHDN
Ngân hàng Nhà nước	NHNN
Ngân hàng thương mại	NHTM
Quản lý rủi ro	QLRR
Tài sản bảo đảm	TSBĐ
Tập đoàn Bảo Việt	TĐBV
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	BVNT
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	BHBV
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	CKBV
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	QLQBV
Bất động sản	BĐS

Tài liệu này là tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank), không tổ chức và cá nhân nào được phép sao chép, chỉnh sửa.

01

TỔNG QUAN

Tài liệu này là tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank), không tổ chức và cá nhân nào được phép sao chép, chỉnh sửa.

Thông điệp của Ban lãnh đạo

Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác và Quý Khách hàng,

Năm 2024 là một năm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong hành trình 15 năm phát triển, in dấu thương hiệu BAOVIET Bank trong tâm trí khách hàng.

Trong năm qua tình hình kinh tế - chính trị thế giới có nhiều biến động, tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế trong nước, hoạt động kinh doanh của BAOVIET Bank cũng đối mặt với những thử thách do thiên tai bão lũ, biến động lãi suất, thị trường bất động sản, nhiều chính sách và quy định pháp luật có hiệu lực thi hành như Luật các tổ chức tín dụng, Luật đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật căn cước,... Mặc dù vậy, với sự quyết tâm, nỗ lực của Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ nhân viên, BAOVIET Bank đã vững vàng vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

Tính đến cuối năm 2024, tổng tài sản đạt hơn 90.000 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2023; Tổng thu nhập hoạt động tăng 13% so với cùng kỳ cho thấy sự mở rộng về quy mô và tăng trưởng hiệu quả kinh doanh. Kết quả này là minh chứng cho việc thích ứng linh hoạt trong điều hành của Ban lãnh đạo đã định hướng và chèo lái con tàu BAOVIET Bank.

Năm 2025 là năm cuối cùng để BAOVIET Bank dốc sức đạt mục tiêu đã đề ra cho giai đoạn 2020-2025. Ban lãnh đạo Ngân hàng nhận định cơ hội và thách thức vẫn đan xen nhau. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, thị trường bất động sản được tháo gỡ, chính sách tiền tệ được Chính phủ điều hành linh hoạt là cơ hội cho BAOVIET Bank giữ vững quy mô, ổn định tăng trưởng, mở rộng phát triển khách hàng trong các lĩnh vực, dự án mới, tạo điều kiện để bứt phá trong giai đoạn sắp tới.

Hành trình phát triển mới mở ra với không ít gian nan và thử thách nhưng tập thể cán bộ nhân viên BAOVIET Bank luôn giữ vững một tinh thần đoàn kết, cùng nhau sát cánh vững tin hướng về phía trước, tạo ra những giá trị mới, viết lên những giai điệu tự hào về BAOVIET Bank. Tinh thần này sẽ tiếp tục “thắp lửa” đam mê trên hành trình phát triển vững bước tương lai, để người Bảo Việt tự hào khi khoác trên mình sắc áo xanh Bảo Việt.

Chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng truyền thống và thế mạnh đã tạo dựng được, BAOVIET Bank sẽ tiếp tục duy trì và phát huy giá trị “Niềm tin vững chắc, cam kết vững bền” của BAOVIET Bank nói riêng và của hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt nói chung, đưa thương hiệu BAOVIET Bank lên tầm cao mới, đạt được những thành công mới trên những chặng đường phát triển tiếp theo.

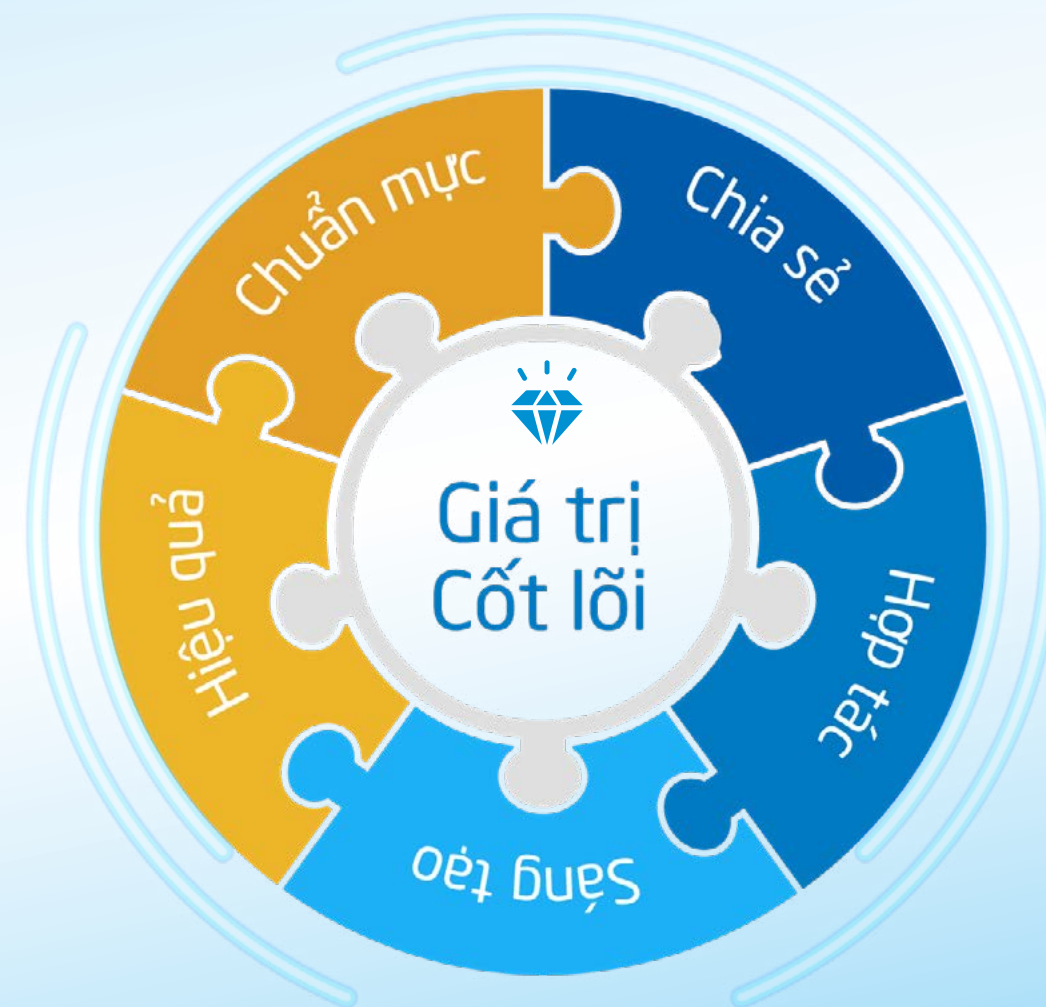


Tầm nhìn

“Trở thành ngân hàng hàng đầu về chất lượng dịch vụ và giải pháp tài chính toàn diện Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng”.

Sứ mệnh

Xây dựng một ngân hàng hiện đại, đề cao tính chuẩn mực trong quản trị điều hành và hoạt động, đảm bảo mức độ cao nhất về chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng, thông qua đó tạo giá trị gia tăng bền vững cho cổ đông, lợi ích dài hạn cho nhân viên và thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



Định hướng PHÁT TRIỂN

BAOVIET Bank hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, mở rộng kinh doanh trên nền tảng ổn định và hiệu quả, gắn tăng trưởng quy mô với việc bảo đảm an toàn trong hoạt động, đáp ứng những chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, BAOVIET Bank cũng nỗ lực xây dựng và đổi mới hệ thống ngân hàng ngày một hiện đại, hướng đến việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Ngành nghề kinh doanh

BAOVIET Bank cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính ngân hàng như: Huy động vốn, Tín dụng, Thanh toán và Ngân quỹ, Giao dịch ngoại tệ, Tài trợ thương mại, Chiết khấu giấy tờ có giá, Quản lý dòng tiền, Ủy thác và Nhận ủy thác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN Việt Nam cho phép.

Chiến lược trung hạn

Với mục tiêu trở thành ngân hàng hàng đầu về chất lượng dịch vụ và giải pháp tài chính toàn diện, BAOVIET Bank đã xác định rõ định hướng chiến lược trung hạn là tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh với mục tiêu an toàn, hiệu quả, bền vững.

Từng bước nâng cao năng lực tài chính và tái cấu trúc ngân hàng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ, mở rộng quy mô hoạt động đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

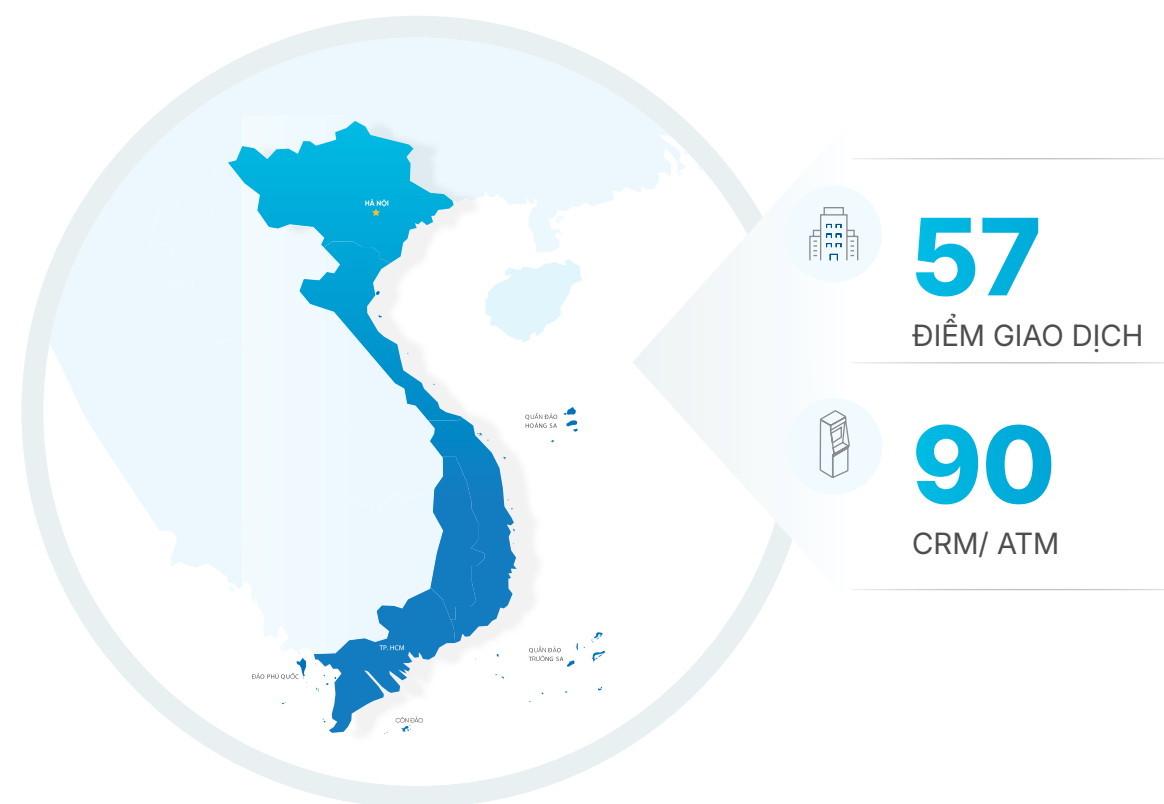
Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, đưa thương hiệu BAOVIET Bank lan tỏa sâu rộng trên cả nước, được các tổ chức và cá nhân tín nhiệm sử dụng dịch vụ tài chính ngân hàng.

Phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ, tối đa hóa bán chéo dịch vụ, tăng tỷ trọng doanh thu từ phí dịch vụ trong tổng doanh thu của BAOVIET Bank.

Bên cạnh đó, BAOVIET Bank sẽ tiếp tục triển khai nhiều hoạt động hướng đến cộng đồng, thực hiện trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội.

Địa bàn HOẠT ĐỘNG

BAOVIET Bank có trụ sở chính đặt tại số 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hệ thống Chi nhánh và các Phòng Giao dịch của BAOVIET Bank được đặt tại các thành phố lớn là các trung tâm kinh tế trọng điểm của cả nước.

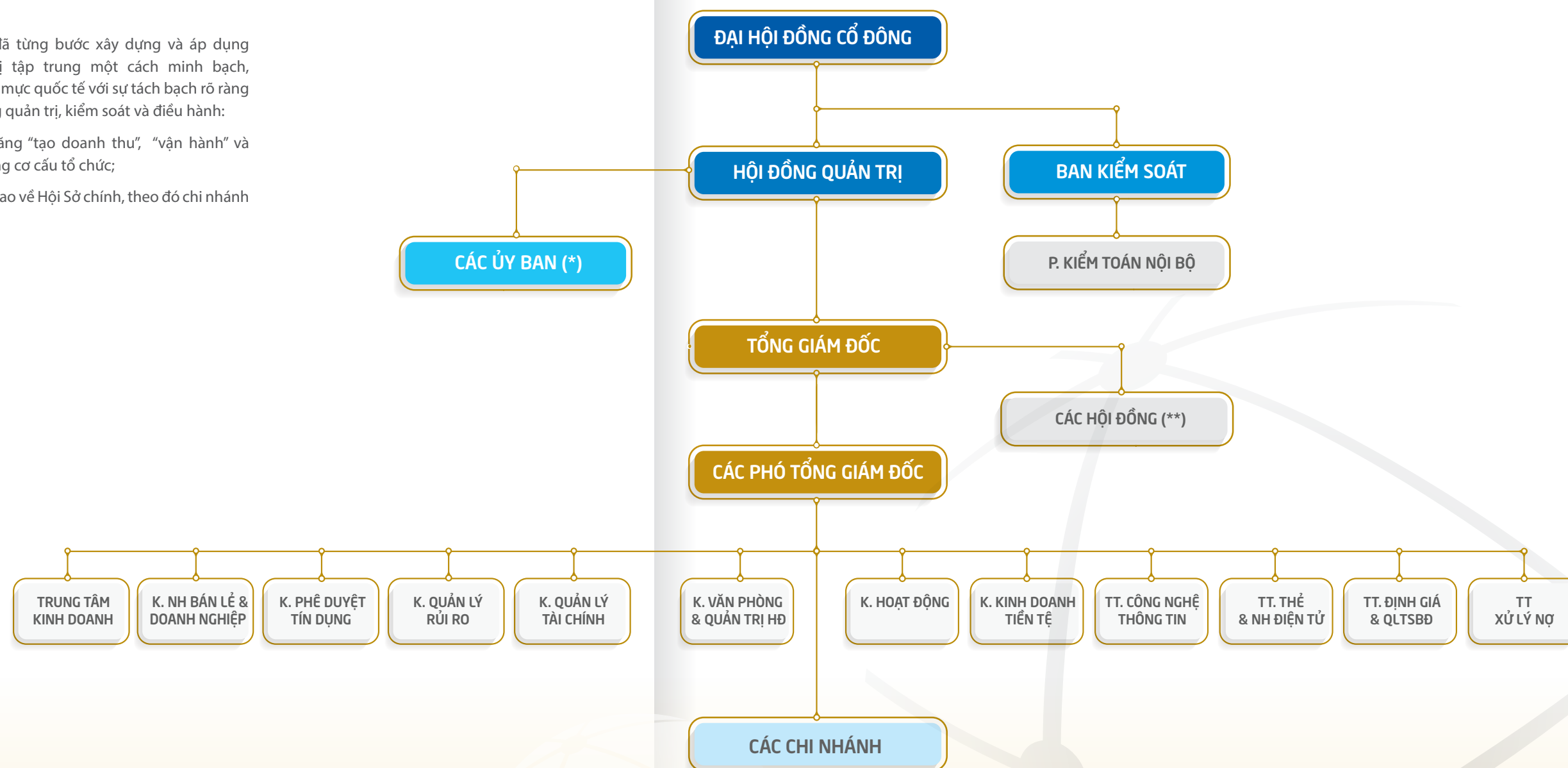


Sơ đồ TỔ CHỨC

BAOVIET Bank đã từng bước xây dựng và áp dụng mô hình quản trị tập trung một cách minh bạch, hướng theo chuẩn mực quốc tế với sự tách bạch rõ ràng giữa các chức năng quản trị, kiểm soát và điều hành:

Tách bạch chức năng “tạo doanh thu”, “vận hành” và “quản lý rủi ro” trong cơ cấu tổ chức;

Quản lý tập trung cao về Hội Sở chính, theo đó chi nhánh là điểm bán hàng.



Ghi chú:

(*) Các ủy ban: Ủy ban thành lập để đề xuất, tham mưu, giúp việc cho HĐQT phù hợp với quy mô hoạt động của BAOVIET Bank từng thời kỳ.

(**) Các hội đồng: Các hội đồng thành lập để đề xuất, tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác giám sát, quản lý, điều hành hoạt động của BAOVIET Bank theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 19/5/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại và các văn bản khác có liên quan

Cơ cấu tổ chức được điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật và mô hình hoạt động của BAOVIET Bank trong từng thời kỳ.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị BAOVIET Bank quyết định chiến lược kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của ngân hàng. Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề về tổ chức, bộ máy điều hành của toàn ngân hàng; đưa ra các quyết định về thành lập các đơn vị thuộc BAOVIET Bank; ban hành các quy chế về tổ chức, quản trị và hoạt động trong ngân hàng theo đúng điều lệ của BAOVIET Bank đã được NHNN chuẩn y.

Ông LƯU QUYẾT THẮNG

Chủ tịch HĐQT
Kỹ sư Kinh tế

Ông TÔN QUỐC BÌNH

Phó Chủ tịch HĐQT
Tiến sỹ Tin học

Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN

Phó Chủ tịch HĐQT
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông BÙI VẠN PHÚC

Phó Chủ tịch HĐQT
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Bà NGUYỄN THỊ PHÚC LÂM

Thành viên HĐQT
Thạc sỹ Kinh tế

Ông NGUYỄN CÔNG NGHĨA

Thành viên HĐQT
Cử nhân Tin học

Ông NGUYỄN ĐÌNH AN

Thành viên HĐQT
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Bà PHẠM THỊ LỰA

Thành viên HĐQT
Cử nhân Quản trị Kinh doanh



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát là những cán bộ giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực kiểm toán, kế toán, tài chính, ngân hàng.

Ông BÙI QUANG VŨ

Trưởng Ban Kiểm soát
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Bà LÊ ANH PHƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát
Cử nhân Tài chính Kế toán

Bà NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Thành viên Ban Kiểm soát
Thạc sỹ Kinh tế



BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của BAOVIET Bank hội tụ các thành viên được đào tạo căn bản trong và ngoài nước, từng đảm nhận những vị trí quan trọng tại các định chế tài chính có uy tín tại Việt Nam.

Ông CAO NAM GIANG

Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Ông TÔN QUỐC BÌNH

Phó Tổng Giám đốc

Tiến sỹ Tin học

Ông NGUYỄN CÔNG NGHĨA

Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Tin học

Ông LẠI VĂN HẢI

Phó Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Bà NGUYỄN QUỲNH ANH

Kế toán trưởng

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

BAOVIET  **Bank**
NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

16
2009 - 2025

NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

Giải pháp tài chính toàn diện



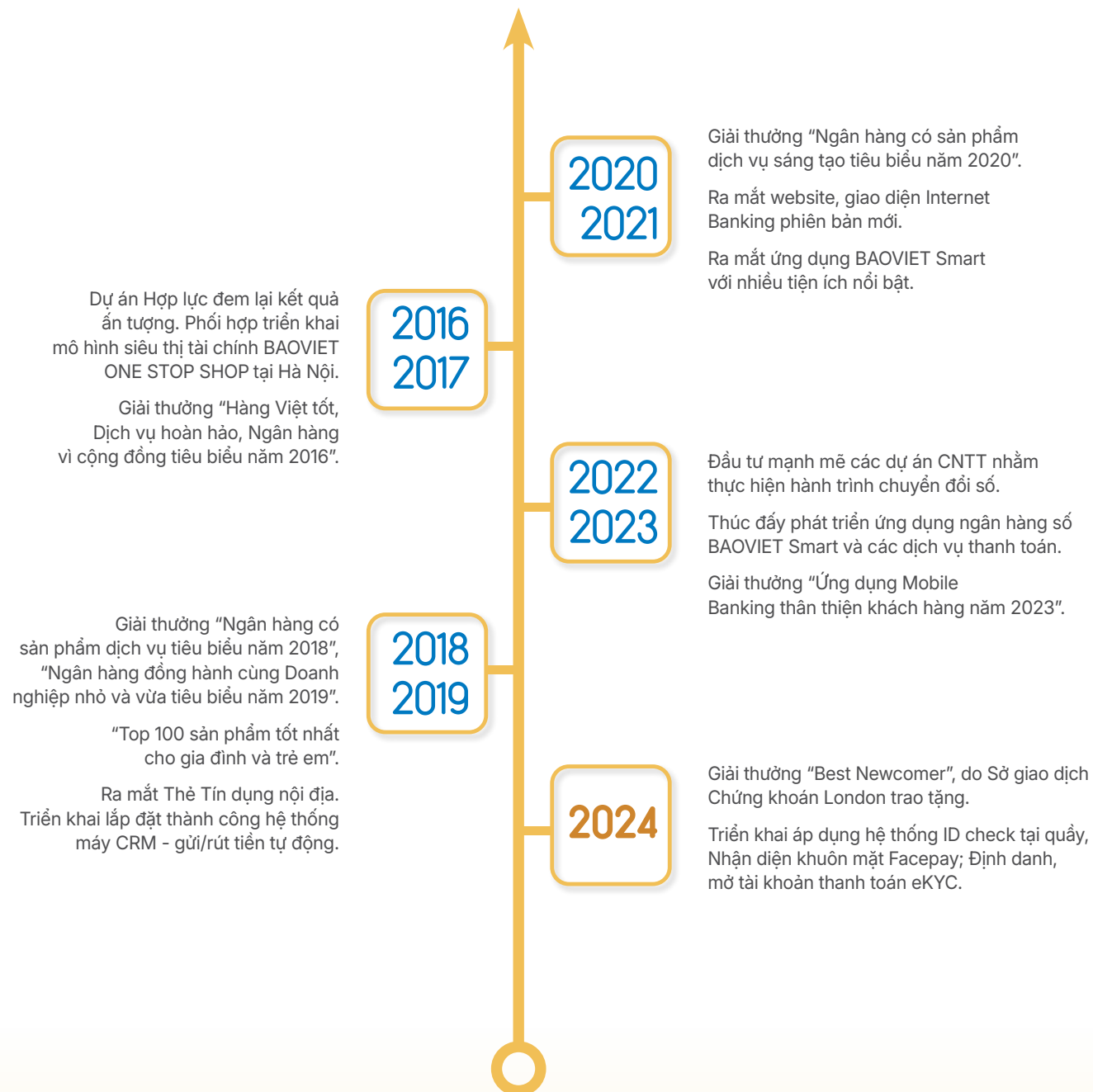
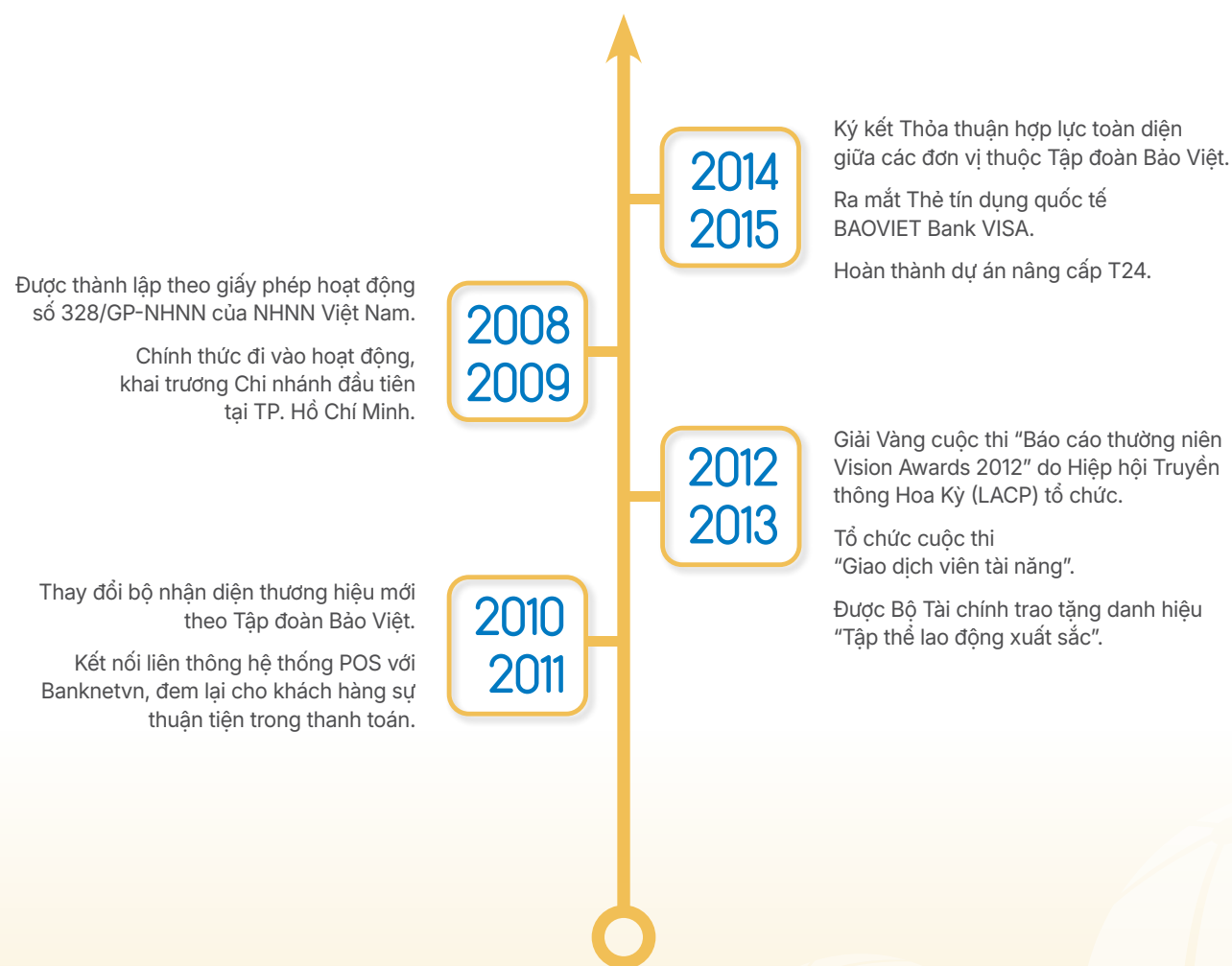
 1900 55 88 48

 www.baovietbank.vn

 [nganhangbaoviet](https://www.facebook.com/nganhangbaoviet)



Hành trình PHÁT TRIỂN



Hoạt động NỔI BẬT

Năm 2024,
vượt qua nhiều khó khăn,
BAOVIET Bank đã sớm
hoàn thành kế hoạch
kinh doanh.

Nâng cấp, hoàn thiện các tính
năng trên BAOVIET Smart, nổi
bật như: Mở tài khoản thanh
toán eKYC; Thu thập, xác
thực sinh trắc học Facepay,...



Tập trung khai thác hệ sinh
thái Tập đoàn Bảo Việt; Thành
lập Tổ hợp lực với Bảo hiểm
Bảo Việt và Bảo Việt Nhân
thọ; Ký thỏa thuận hợp tác và
giao ước kinh doanh với Bảo
Việt Nhân thọ.

07 đơn vị xuất sắc được vinh
danh tại Lễ kỷ niệm 60 năm
thành lập Bảo Việt.



Mảng thị trường ngoại hối
phát triển mạnh, được nhận
giải thưởng "Best Newcomer",
do Sở giao dịch Chứng khoán
London trao tặng.



Triển khai gần 30 dự án CNTT;
Thực hiện khoảng 90 yêu cầu
phần mềm.

Phát triển hệ sinh thái công
nghệ trong thực hiện hợp lực
Bảo Việt nhằm hỗ trợ kinh
doanh.



Kiểm tra, giám sát các nghiệp
vụ DVKH, kho quỹ và tín dụng;
Rà soát, cải tiến quy định nội
bộ trong hoạt động cấp
tín dụng..

Thành lập Trung tâm
Định giá & Quản lý TSBĐ;
Trung tâm Xử lý nợ nhằm
nâng cao chất lượng và
rút ngắn thời gian xử lý
nghiệp vụ,

Phát triển thêm điểm giao
dịch CRM tại các địa bàn
mới; Cải tạo hạ tầng, hình ảnh
nhận diện các đơn vị.

Rà soát cập nhật giấy phép
kinh doanh, phòng chữa cháy,
biển quảng cáo, an toàn kho
quỹ, bảo động tại quầy...



Triển khai phần mềm HRM;
Ban hành các văn bản nhằm
tăng hiệu quả quản trị nhân
lực, hiệu suất lao động, bổ
sung phúc lợi cho CBNV.

Đạt giải thưởng "Top 50
Nhà tuyển dụng được yêu
thích năm 2023"; hơn 80
cán bộ được NHNN trao tặng
kỷ niệm chương vì sự nghiệp
ngân hàng.



Truyền thông nội bộ được
đẩy mạnh với nhiều sự kiện,
cuộc thi.

Hình ảnh thương hiệu
BAOVIET Bank được thể hiện
thống nhất và hài hòa trên
ứng dụng quảng cáo online,
offline, hệ thống biển bảng ...

02

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Tài liệu này là tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank), không tổ chức và cá nhân nào được phép sao chép, chỉnh sửa.

Năm 2024 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, có những tác động không nhỏ tới ngành Tài chính - Ngân hàng. Tuy nhiên, nhờ kịp thời đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm thích ứng với tình hình khó khăn chung, BAOVIET Bank đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu kinh doanh mà Ban lãnh đạo ngân hàng đề ra.

Tổng tài sản tăng trưởng 7% so với năm 2023 cho thấy sự phát triển bền vững của BAOVIET Bank. Trong đó:

- Tổng quy mô huy động vốn tăng trưởng 9% so với 2023 đã tạo ra nguồn vốn kinh doanh bền vững cho ngân hàng;
- Tổng quy mô tăng trưởng tín dụng ở mức cân đối giữa huy động và tín dụng.

Song song tăng trưởng về quy mô, một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh cũng đạt hiệu quả tốt:

- Hoạt động thu phí hoàn thành vượt mức kế hoạch, đạt 226%;
- Bancassurance hoàn thành 105% kế hoạch;
- Doanh thu từ hoạt động thẻ và ngân hàng điện tử đạt 130 tỷ đồng.

Mức tăng trưởng tốt các chỉ tiêu kinh doanh giúp cải thiện về tổng thu nhập hoạt động, đạt mức 2.227 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với 2023.

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Ban lãnh đạo BAOVIET Bank đã rất chú trọng hoạt động kiểm soát rủi ro. Đến hết năm 2024 tỷ lệ nợ xấu giảm 0,03% so với 2023.

Hoạt động kinh doanh tiền tệ thực hiện tốt vai trò tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản. Mạng thị trường ngoại hối phát triển mạnh, được nhận giải thưởng "Best Newcomer", do Sở giao dịch Chứng khoán London trao tặng.

Xác định công nghệ và số hóa là những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh, BAOVIET Bank chú trọng đầu tư công nghệ, đẩy mạnh số hóa, gia tăng các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng online: Triển khai áp dụng hệ thống ID check tại quầy, Nhận diện khuôn mặt Facepay; Định danh khách hàng điện tử eKYC làm nền tảng hỗ trợ và phát triển kinh doanh và hạn chế rủi ro trong giao dịch.

Năm 2025 là bước ngoặt quan trọng trong việc xây dựng nền tảng phát triển cho giai đoạn 5 năm tiếp theo. Trọng tâm chiến lược của BAOVIET Bank là trở thành một ngân hàng bán lẻ hiện đại, lấy công nghệ số làm động lực tăng trưởng cốt lõi. Để thực hiện chiến lược đó, Ngân hàng sẽ tập trung một số nhiệm vụ:

Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ số, vừa đáp ứng nhu cầu khách hàng vừa tối ưu hóa chi phí vận hành và giảm tỷ trọng tiền mặt trong thanh toán, phù hợp với định hướng chung của Chính phủ.

Mở rộng quy mô vốn, tạo cơ sở vững chắc để thúc đẩy các kế hoạch tăng trưởng dài hạn.

Cải tổ bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường tài chính.

Chú trọng quản trị rủi ro và hoàn thiện thể chế pháp lý: Tuân thủ chặt chẽ các quy định trong nước và thông lệ quốc tế, đồng thời từng bước triển khai các chuẩn mực Basel theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước. Việc kiện toàn khung pháp lý không chỉ đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động mà còn mở rộng hành lang pháp lý để tối ưu hóa các cơ hội kinh doanh từ Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi.

Tối ưu hóa chi phí vốn và khai thác tối đa lợi thế từ hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ, tích hợp quản trị rủi ro trong mọi hoạt động và thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận bền vững.

Với tầm nhìn chiến lược và kế hoạch hành động đồng bộ, BAOVIET Bank tự tin tiến bước, tiếp tục khẳng định vị thế là một ngân hàng hiện đại, uy tín, góp phần vào sự phát triển của ngành tài chính - ngân hàng Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG BÁN LẺ & DOANH NGHIỆP



NGÂN HÀNG BÁN LẺ

KẾT QUẢ NĂM 2024

Tổng quy mô huy động vốn và tín dụng bán lẻ đến hết 31/12/2024 đạt 51 nghìn tỷ đồng, tương đương so với năm 2023, trong đó huy động vốn khách hàng cá nhân đạt mức tăng trưởng 2% so với năm 2023. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn và nhiều Ngân hàng TMCP ghi nhận mức tăng trưởng âm đối với mảng bán lẻ.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động cho vay tuy nhiên doanh số giải ngân vẫn tăng trưởng tốt, đạt 143% so với năm 2023.

Doanh số phí bảo hiểm hoàn thành vượt kế hoạch 105% trong bối cảnh kinh doanh bảo hiểm gặp nhiều khó khăn từ thị trường, chính sách thay đổi.

Theo định hướng của Ban lãnh đạo về đẩy mạnh cho vay thông qua liên kết đối tác bất động sản và ô tô, đã liên kết được hơn 40 đại lý/showroom ô tô, 15 dự án bất động sản để phát triển nguồn khách hàng vay vốn tiềm năng cho BAOVIET Bank.

Chương trình hợp lực với đơn vị thành viên Tập đoàn Bảo Việt trong đó có Bảo Việt Nhân thọ được triển khai mạnh mẽ, hiệu quả hơn, hoàn thành vượt nhiều chỉ tiêu kinh doanh và đạt được những con số ấn tượng: 780 tỷ đồng doanh số giải ngân, hơn 2.000 tỷ đồng huy động vốn. Đặc biệt, để làm nền móng cho các năm tiếp theo, tháng 12/2024, BAOVIET Bank đã ký thỏa thuận bán hàng và giao ước kinh doanh với Bảo Việt Nhân thọ nhằm song hành hoàn thành vượt trội các mục tiêu kinh doanh.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Huy động vốn:

- Tập trung đẩy mạnh huy động vốn có kỳ hạn từ dân cư nhằm tạo nguồn vốn bền vững cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Tối ưu hóa hiệu quả của hoạt động huy động vốn thông qua tăng trưởng quy mô tiền gửi không kỳ hạn với mục tiêu cuối năm 2025 tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn đạt 7% so với quy mô tiền gửi khách hàng cá nhân.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, gia tăng số dư tiền gửi trên kênh online theo định hướng của Thủ tướng Chính phủ tại "Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025".

Cho vay:

- Tăng trưởng cho vay khách hàng cá nhân theo hướng tăng trưởng quy mô đồng thời chú trọng vào quản trị rủi ro.
- Số hóa các sản phẩm cho vay qua kênh online nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- Đẩy mạnh cho vay và các giải pháp tài chính toàn diện cho nhóm khách hàng nằm trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.
- Cho vay khách hàng mua nhà/bất động sản của các đối tác do BAOVIET Bank tài trợ dự án.
- Đẩy mạnh cho vay khách hàng hàng kinh doanh, hộ kinh doanh nhỏ lẻ tại các địa bàn có đơn vị kinh doanh của BAOVIET Bank.
- Đẩy mạnh cho vay theo thế mạnh từng vùng/miền/khu vực, thiết kế các sản phẩm đặc thù nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh của BAOVIET Bank trên từng địa bàn.

NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

KẾT QUẢ NĂM 2024

Hoạt động huy động và tín dụng doanh nghiệp có sự tăng trưởng vượt bậc về quy mô, trong đó huy động vốn đạt mức tăng trưởng 24% tăng từ 16 nghìn tỷ đồng lên 19,9 nghìn tỷ đồng; tín dụng tăng trưởng 20% từ 35 nghìn tỷ đồng lên gần 43 nghìn tỷ đồng.

Về mặt hiệu quả, ghi nhận thu nhập từ phí dịch vụ và thu lãi thuần tăng trưởng rõ rệt: Thu phí dịch vụ đạt 104 tỷ đồng, hoàn thành 374% kế hoạch; thu lãi thuần đã cán mốc 997 tỷ đồng, hoàn thành 116% kế hoạch.

Với kết quả kinh doanh như trên, mảng khách hàng doanh nghiệp đạt được mục tiêu tăng trưởng cả về quy mô lẫn hiệu quả kinh doanh theo định hướng của Ban lãnh đạo. Để có được kết quả đáng ghi nhận như vậy, BAOVIET Bank đã thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh linh hoạt. Một số điểm sáng trong hoạt động kinh doanh như sau:

- Hệ thống sản phẩm cho khách hàng doanh nghiệp đa dạng và liên tục được cải tiến.
- Trung tâm Ngân hàng doanh nghiệp đã liên tục cải tiến hệ thống sản phẩm trên cơ sở phân nhóm sản phẩm theo ngành như xây lắp, gạo, xăng dầu, đại lý ô tô, y tế, ...; danh mục sản phẩm theo phân khúc khách hàng như SME +++, SME fast, SME plus, SME open... Cùng với đó là các sản phẩm dịch vụ tài khoản hỗ trợ doanh nghiệp quản lý hiệu quả dòng tiền của doanh nghiệp như dịch vụ quản lý tài khoản tập trung, dịch vụ tài khoản vốn chuyên dùng, tiền gửi đa năng... Theo đó, đã giải ngân 5.100 tỷ đồng hạn mức tín dụng được cấp theo sản phẩm; 100% khách hàng sử dụng sản phẩm huy động và dịch vụ tài khoản.
- Xây dựng các chương trình ưu đãi theo sản phẩm dành cho khách hàng doanh nghiệp về giá, nhiều chương trình thi đua cho đơn vị kinh doanh: đạt 1.464 tỷ đồng doanh số giải ngân theo chương trình và 2,8 tỷ đồng được chi thưởng cho đơn vị kinh doanh.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

- Tăng trưởng tín dụng nhóm khách hàng siêu nhỏ và nhỏ.
- Ổn định và tăng trưởng tín dụng nhóm khách hàng ngành gạo.
- Đẩy mạnh phát triển tín dụng nhóm khách hàng tài trợ dự án trọn gói và tài trợ doanh nghiệp xây lắp dự án vốn ngân sách Nhà nước.
- Phát triển tín dụng chuỗi ngành ô tô trọn gói từ tài trợ cho đại lý đến khách vay.
- Tập trung phát triển tín dụng nhóm khách hàng đầu tư, xây dựng nhà ở trong khu đô thị, xây dựng khu công nghiệp.
- Khai thác và phát triển quan hệ với Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, công ty thành viên Bảo hiểm Bảo Việt và đối tác trong lĩnh vực bồi thường xe cơ giới, bồi thường tài sản kỹ thuật của Bảo hiểm Bảo Việt.
- Tăng casa và tỷ trọng casa trong cơ cấu huy động.
- Xây dựng các chính sách sản phẩm, chính sách giá, phí linh hoạt bám sát tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và tăng trưởng dư nợ.
- Triển khai nhiều hoạt động thúc đẩy kinh doanh, thi đua nội bộ nhằm thúc đẩy động lực bán hàng, gia tăng thu nhập đối với các cán bộ nhân viên có kết quả tốt/xuất sắc.
- Thúc đẩy và hỗ trợ trực tiếp, sâu sát các đơn vị kinh doanh thông qua việc đi thực tế đơn vị kinh doanh, khảo sát nhóm khách hàng, khách hàng để xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp cạnh tranh, tạo lợi thế bán hàng.



HIỆU QUẢ BỀN VỮNG



1900 55 88 48



www.baovietbank.vn



[nganhangbaoviet](https://www.facebook.com/nganhangbaoviet)



KINH DOANH THẺ & NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ



KẾT QUẢ NĂM 2024

Sản phẩm dịch vụ ngân hàng số

BAOVIET Bank tập trung vào việc phát triển và cải tiến dịch vụ ngân hàng số, đồng thời mở rộng phạm vi và tăng trải nghiệm của khách hàng:

- Số lượng khách hàng sử dụng ứng dụng BAOVIET Smart đạt 150.512 users vào cuối năm 2024, với 33.000 khách hàng mới đăng ký trong năm 2024.
- Số lượng người dùng Internet Banking đạt 122.702 users, trong đó có 21.241 users mới trong năm 2024.
- Số lượng và giá trị giao dịch ngân hàng số liên tục tăng, bao gồm dịch vụ chuyển tiền và thanh toán.
 - Dịch vụ chuyển tiền: Đạt 5.610.525 giao dịch với số tiền 53.645 tỷ đồng.
 - Dịch vụ thanh toán: Đạt số lượng 971.688 giao dịch với số tiền hơn 7.751 tỷ đồng.
- Các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số đã phát triển từ trước được khách hàng tích cực sử dụng và đạt kết quả tốt:
 - Dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm cho Bảo Việt Nhân thọ qua kênh mPOS đạt 3.025 tỷ đồng VND với 325.797 giao dịch.
 - Dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm cho Bảo Việt Nhân thọ qua kênh IB & TNTĐ đạt hơn 2 tỷ đồng với 722 giao dịch.
 - Dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm cho Bảo Việt Nhân thọ qua cổng thanh toán BVB eCom đạt 1.425 tỷ đồng với 157.019 giao dịch.
 - Phát triển mới dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm cho Bảo Việt Nhân thọ qua Smart POS đạt doanh số 275 tỷ đồng với 13.053 giao dịch.
 - Đặc biệt dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm trên ứng dụng BAOVIET Smart khai thác hiệu quả tối đa, đạt doanh số thanh toán 6.703 tỷ đồng với số lượng giao dịch đạt 495.384.

Sản phẩm dịch vụ thẻ

- Số thẻ phát hành mới đạt 9.689 thẻ, nâng tổng số thẻ kể từ khi phát hành lũy kế đến ngày 31/12/2024 lên 275.782 thẻ. Trong đó, thẻ tín dụng nội địa đóng góp 1.278 thẻ, đạt 6.475 thẻ đã phát hành trên thị trường.
- Ngân hàng thực hiện nhiều chính sách ưu đãi và các chương trình khuyến mãi đặc biệt dành cho khách hàng sử dụng thẻ tín dụng nội địa, đặc biệt là cán bộ nhân viên và đội ngũ tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

BAOVIET Bank tiếp tục tập trung vào việc đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ, tập trung khai thác tối đa nguồn lực, tập khách hàng của hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện dịch vụ hướng đến đối tượng khách hàng là tư vấn viên và khách hàng có hợp đồng bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ.
- Triển khai các sản phẩm mới bao gồm số hóa các sản phẩm cho vay tín chấp (thấu chi cho tư vấn viên và khách hàng có hợp đồng bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ), sản phẩm cho vay cầm cố giấy tờ có giá trên kênh BAOVIET Smart.
- Tăng cường hoạt động thu phí bảo hiểm nhân thọ và các dịch vụ thu phí khác, quản lý dòng tiền trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt.

KINH DOANH TIỀN TỆ



KẾT QUẢ NĂM 2024

Năm 2024, mặc dù Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới tuy nhiên, lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng vẫn có nhiều rủi ro tiềm ẩn. Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo BAOVIET Bank, Khối Kinh doanh tiền tệ đã chủ động bám sát tình hình thị trường, linh hoạt trong giao dịch nhằm góp phần ổn định thanh khoản, tích cực kinh doanh để mang lại doanh thu hoạt động cho Ngân hàng và đạt một số kết quả nhất định. Công tác cân đối vốn tập trung đạt kết quả tốt, đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống và tối ưu chi phí sử dụng vốn; Quản lý dự trữ bắt buộc hợp lý và đảm bảo quy định của NHNN; Quản lý tồn quỹ tiền mặt tối ưu trên toàn hệ thống; Cân đối vay/nhận gửi và cho vay/gửi tiền trên thị trường 2 đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN;

- Công tác kinh doanh nguồn vốn: BAOVIET Bank đã đẩy mạnh hoạt động cho vay USD trên thị trường liên ngân hàng khi lãi suất USD duy trì ở mức cao lâu hơn dự kiến; Đa dạng sản phẩm, linh hoạt các phương án kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng. Tổng doanh số giao dịch năm 2024 chiều vay là khoảng 3.318.522 tỷ đồng và 691 triệu USD, trong khi đó, chiều gửi 1.470.590 tỷ đồng và gần 10.476 triệu USD.
- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ thu được kết quả tốt góp phần lớn lợi nhuận vào hiệu quả đạt được. Bên cạnh đó, luôn đảm bảo nguồn ngoại tệ đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ khách hàng của đơn vị kinh doanh với tỷ giá cạnh tranh, hỗ trợ đơn vị kinh doanh tư vấn sản phẩm ngoại tệ phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Hoạt động phát triển khách hàng: BAOVIET Bank được nhiều đối tác tin tưởng cấp hạn mức tín chấp, hạn mức tài sản đảm bảo, hợp tác thành công nhiều giao dịch kinh doanh và hỗ trợ thanh khoản. Thực hiện Đề án Hợp lực, BAOVIET Bank đã duy trì số dự huy động bình quân từ Tập đoàn Bảo Việt ở mức gần 600 tỷ đồng và mang về cho Ngân hàng khoản thu nhập hơn 7.23 tỷ đồng, tương đương 200% kế hoạch.

- Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá: Danh mục giấy tờ có giá được mở rộng theo hướng đa dạng hóa về loại hình sản phẩm đầu tư. BAOVIET Bank là thành viên tích cực trên thị trường trái phiếu chính phủ, hoạt động đầu tư kinh doanh trái phiếu chính phủ đóng góp tỷ trọng lợi nhuận tốt, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Ngân hàng.

Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng phát hành cũng đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của Ngân hàng.

Ngoài ra, hoạt động phát hành giấy tờ có giá cho các nhà đầu tư tổ chức cũng đã được triển khai hiệu quả. BAOVIET Bank đã phát hành thành công 1.800 tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 trong năm 2024, góp phần cải thiện các hệ số an toàn hoạt động cũng như huy động được nguồn vốn trung dài hạn với chi phí tối ưu.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Trước những dự đoán về kịch bản tăng trưởng kinh tế thế giới, theo định hướng kinh doanh của Ban lãnh đạo BAOVIET Bank, Khối Kinh doanh tiền tệ tập trung thực hiện các mục tiêu cụ thể như sau:

- Đảm bảo tối đa an toàn thanh khoản hệ thống;
- Chủ động tìm kiếm cơ hội kinh doanh để gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng;
- Chú trọng hợp tác với các đơn vị thành viên Tập đoàn Bảo Việt để tận dụng lợi thế kinh doanh, nguồn vốn và tài sản, mang lại lợi ích tối đa cho các bên;
- Tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác tài chính trên thị trường, nâng cao uy tín và vị thế BAOVIET Bank trên thị trường liên ngân hàng, đảm bảo yêu cầu hạn mức kinh doanh kết hợp quản lý rủi ro hiệu quả.
- Hoàn thiện và cập nhật các quy trình, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu của pháp luật và BAOVIET Bank.

MẠNG LƯỚI BAOVIET Bank



DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CỦA BAOVIET Bank

TP. HÀ NỘI
Hội sở chính / Trung tâm Kinh doanh
Tầng 1-5, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
CN Sở giao dịch
Số 08 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
PGD Ba Đình
Số 07 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
PGD Tôn Đức Thắng
Số 245 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
PGD Đào Tấn
Số 14 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
PGD Mỹ Đình
Tầng 1&2, Ô số 06, Khu A1&A2, Khu đấu giá QSD đất Mỹ Đình, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
PGD Hà Đông
Số 229 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
CN Hà Nội
Tòa nhà Le Capitole, Số 27 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
PGD Hai Bà Trưng
Số 398 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
PGD Hoàn Kiếm
Tầng 1, Tòa nhà số 07 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
PGD Lê Trọng Tấn
Số 20 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

CN Cầu Giấy
Tòa nhà The Park Home, Lô đất N02, Ô D12, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
TP. HẢI PHÒNG
CN Hải Phòng
Tòa nhà Bảo Việt Nhân Thọ Hải Phòng, Khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
PGD Hồng Bàng
Số 99 Bạch Đằng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
PGD Văn Cao
Số 252-254 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
PGD Lê Chân
Số 268 Trần Nguyên Hãn, Phường An Dương, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
QUẢNG NINH
CN Quảng Ninh
Ô số 12 và 13 - Lô A10, Khu đô thị mới hiện đại phía đông Hòn Cặp Bè, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
BẮC NINH
CN Bắc Ninh
Số 12A Lý Thái Tổ, Phường Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
THÁI NGUYÊN
CN Thái Nguyên
Số 51 Hoàng Văn Thụ, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
LÀO CAI
CN Lào Cai
Số 501 đường Hoàng Liên, Phường Kim Tân, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CỦA BAOVIET Bank

THANH HÓA		KHÁNH HÒA	
CN Thanh Hóa		CN Khánh Hòa	
Số 666 Bà Triệu, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa		Số 08A Đinh Tiên Hoàng, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	
		PGD Nha Trang	
		Căn hộ 24.A Chung cư CT1, Ô HH3, Khu đô thị VCN Phước Hải, Phường Phước Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	
NGHỆ AN		ĐẮK LẮK	
CN Nghệ An		CN Đắk Lắk	
Số 2 Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Bình, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An		Số 52 Nguyễn Tất Thành, Phường Tự An, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	
PGD Trường Thi		PGD Ngô Quyền	
Số 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Trường Thi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An		Số A1 Ngô Quyền, Phường Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	
PGD Bến Thủy		PGD Buôn Hồ	
Số 172N Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An		Số 598 Hùng Vương, Phường An Bình, Thị xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk	
PGD Bắc Vinh		PGD Ea Kar	
KD2, Tầng 1, Nhà A3 thuộc dự án Khu nhà ở chung cư phía Đông đại lộ V.I. Lê Nin, P. Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An		Số 206 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn Ea Kar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk	
TP. ĐÀ NẴNG		BÌNH ĐỊNH	
CN Đà Nẵng		CN Bình Định	
Số 297-299 Đồng Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng		Số 40 Nguyễn Thái Học, Phường Trần Phú, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	
PGD Ngũ Hành Sơn			
Số 159 Ngũ Hành Sơn, Phường Bắc Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng			
PGD Hải Châu		GIA LAI	
Số 158 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng		CN Gia Lai	
PGD Thanh Khê		Số 07B Hai Bà Trưng, Phường Tây Sơn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	
Số 333 Trần Cao Vân, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng			

DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CỦA BAOVIET Bank

TP. HỒ CHÍ MINH		CN Nam Sài Gòn	
Văn phòng đại diện TP. HCM		Số 2030 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
Số 233 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh			
CN TP. Hồ Chí Minh		TP. CẦN THƠ	
Số 233 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh		CN Cần Thơ	
PGD Âu Cơ		Số 90-92 Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	
Số 830 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh		PGD Hưng Phú	
PGD Hàng Xanh		Số 18 Trần Văn Trà, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	
Số 356A Lê Quang Định, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh		PGD Xuân Khánh	
PGD Nguyễn Thái Sơn		Số 39 Trần Văn Hoài, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	
Số 17A2-87 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh		PGD Ninh Kiều	
PGD Phú Mỹ Hưng		Số 381 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	
Số 966 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh			
PGD Phú Nhuận		BÌNH DƯƠNG	
Số 74 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh		CN Bình Dương	
CN Sài Gòn		Số 326 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	
Số 94-96 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh		PGD Dĩ An	
PGD Phú Lâm		Số 1 Nguyễn An Ninh, Khu TTHC, Khu Phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An , Tỉnh Bình Dương	
Số 629 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh			
PGD An Đông		ĐỒNG NAI	
Số 97J Nguyễn Duy Dương, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh		CN Đồng Nai	
PGD Đông Sài Gòn		Số 61 Đồng Khởi, Khu phố 3, Phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	
Số 145 Lương Định Của, Khu phố 3, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh			
PGD Lạc Long Quân		KIẾN GIANG	
Số 1055 Lạc Long Quân, Phường 11, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh		CN Kiên Giang	
		Lô E10-10 + E10-11 Đường 3 Tháng 2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	

03

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tài liệu này là tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank), không tổ chức và cá nhân nào được phép sao chép, chỉnh sửa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Tài liệu này là tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank), không tổ chức và cá nhân nào được phép sao chép, chỉnh sửa.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2025, từ trang 04 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, Ngày 12 tháng 03 năm 2025

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM
TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



ĐẶNG MINH ĐỨC- Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2025-112-1

[Handwritten signature]

LAI TRƯỜNG DƯƠNG –Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2021-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02/TCTD
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	179.602.664.713	168.774.764.643
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”)	6	1.021.512.712.802	1.200.566.602.815
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	18.119.694.075.796	15.591.855.009.102
1.	Tiền gửi tại TCTD khác		18.119.694.075.796	15.591.855.009.102
IV.	Chứng khoán kinh doanh	8	-	702.574.004.000
1.	Chứng khoán kinh doanh		-	702.574.004.000
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
VI.	Cho vay khách hàng	9	47.269.493.482.129	40.910.750.515.231
1.	Cho vay khách hàng		47.729.875.178.922	41.399.461.094.975
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(460.381.696.793)	(488.710.579.744)
VII.	Hoạt động mua nợ	11	4.607.161.316.913	4.717.734.047.375
1.	Mua nợ		4.641.976.137.948	4.753.384.430.605
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(34.814.821.035)	(35.650.383.230)
VIII.	Chứng khoán đầu tư	12	11.195.707.867.235	13.856.689.966.707
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		8.914.621.834.769	11.536.991.637.916
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.350.176.308.710	3.354.273.690.778
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(1.069.090.276.244)	(1.034.575.361.987)
IX.	Tài sản cố định	13	104.021.802.205	119.421.919.390
1.	Tài sản cố định hữu hình	13.1	73.358.159.654	76.984.437.015
a.	Nguyên giá tài sản cố định		274.051.216.194	250.351.655.081
b.	Hao mòn tài sản cố định		(200.693.056.540)	(173.367.218.066)
2.	Tài sản cố định vô hình	13.2	30.663.642.551	42.437.482.375
a.	Nguyên giá tài sản cố định		173.683.834.321	170.483.064.321
b.	Hao mòn tài sản cố định		(143.020.191.770)	(128.045.581.946)
X.	Tài sản Có khác	14	8.126.533.274.380	7.376.541.654.544
1.	Các khoản phải thu		1.932.378.555.374	1.458.468.110.586
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		5.687.035.911.099	5.453.336.548.459
3.	Tài sản Có khác		507.118.807.907	464.736.995.499
	TỔNG TÀI SẢN		90.623.727.196.173	84.644.908.483.807

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02/TCTD Đơn vị: VND				
STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15	3.412.401.861.557	-
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	22.293.522.540.890	24.058.024.614.688
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		22.293.522.540.890	21.330.365.863.756
2.	Vay các TCTD khác		-	2.727.658.750.932
III.	Tiền gửi của khách hàng	17	57.609.146.695.465	52.848.413.124.766
IV.	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	18	4.755.100.000	52.591.090.000
V.	Phát hành giấy tờ có giá	19	1.800.306.765.474	1.823.916.344.157
VI.	Các khoản nợ khác	20	1.640.092.848.512	2.060.437.395.537
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	20.1	1.402.076.359.311	1.845.771.425.138
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	20.2	238.016.489.201	214.665.970.399
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		86.760.225.811.898	80.843.382.569.148
VII.	Vốn và các quỹ			
1.	Vốn của Ngân hàng	22	3.150.000.000.000	3.150.000.000.000
	Vốn điều lệ		3.150.000.000.000	3.150.000.000.000
2.	Quỹ của Ngân hàng		212.937.223.032	199.242.129.108
3.	Lợi nhuận chưa phân phối		500.564.161.243	452.283.785.551
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.863.501.384.275	3.801.525.914.659
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		90.623.727.196.173	84.644.908.483.807

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02/TCTD
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
1.	Bảo lãnh vay vốn	-	-
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	6.044.991.600.000	11.254.576.970.000
a.	Cam kết mua ngoại tệ	755.122.500.000	-
b.	Cam kết bán ngoại tệ	755.865.000.000	-
c.	Cam kết giao dịch hoán đổi	4.534.004.100.000	11.254.576.970.000
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	-	366.301.100.000
4.	Bảo lãnh khác	835.536.119.844	475.284.846.287
5.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	3.812.707.644.591	2.733.969.859.874
6.	Nợ khó đòi đã xử lý	3.845.612.497.698	2.435.622.774.166
7.	Tài sản và chứng từ khác	10.938.184.859.311	9.318.644.787.854

Người phê duyệt

Cao Nam Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người phê duyệt

Nguyễn Quỳnh Anh
Kế toán trưởng

Người lập

Vương Thị Ngọc Lan
TP. Kế toán tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

			Mẫu số B03/TCTD	
			Đơn vị: VND	
STT	CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	4.886.083.581.359	5.783.350.951.654
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(3.476.258.625.807)	(4.383.104.252.602)
I.	Thu nhập lãi thuần		1.409.824.955.552	1.400.246.699.052
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		955.856.627.667	783.043.735.175
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(86.784.206.408)	(65.824.360.101)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	869.072.421.259	717.219.375.074
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	21.192.402.731	46.074.343.051
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27.1	30.390.095.474	52.298.642.852
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27.2	(61.912.902.516)	(56.009.447.218)
	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán		(31.522.807.042)	(3.710.804.366)
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		174.135.822.772	129.691.518.247
6.	Chi phí từ hoạt động khác		(215.267.814.957)	(321.826.191.944)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	(41.131.992.185)	(192.134.673.697)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
	Tổng thu nhập hoạt động		2.227.434.980.315	1.967.694.939.114
7.	Chi phí nhân viên		(434.497.299.891)	(346.937.032.084)
8.	Chi phí khấu hao và khấu trừ		(42.938.103.848)	(47.473.370.544)
9.	Chi phí hoạt động khác		(418.517.260.131)	(412.426.660.531)
VII.	Tổng chi phí hoạt động	29	(895.952.663.870)	(806.837.063.159)
VIII.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.331.482.316.445	1.160.857.875.955
IX.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	(1.245.799.595.780)	(1.072.164.595.069)
X.	Tổng lợi nhuận trước thuế		85.682.720.665	88.693.280.886
10.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(17.207.251.049)	(17.913.271.156)
11.	Chi phí/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
XI.	Chi phí thuế TNDN		(17.207.251.049)	(17.913.271.156)
XII.	Lợi nhuận sau thuế		68.475.469.616	70.780.009.730
XIII.	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		217	204

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Người lập



Cao Nam Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Quỳnh Anh
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Lan
TP. Kế toán tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

			Mẫu số B04/TCTD	
			Đơn vị: VND	
	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	(Điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.652.384.218.719	4.516.628.662.924	
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.919.953.691.634)	(3.681.784.074.223)	
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		340.832.421.259	422.719.375.074	
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán		67.004.256.496	22.928.320.230	
Chi hoạt động khác		(213.908.577.179)	(319.846.607.921)	
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	28	172.776.584.994	127.711.934.224	
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(850.174.508.958)	(791.276.749.623)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	19	(16.201.599.855)	(19.219.069.498)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		232.759.103.842	277.861.791.187	
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		-	-	
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		3.329.041.189.215	5.285.642.738.225	
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/công nợ tài chính khác		-	15.116.650.000	
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(6.219.005.791.290)	(6.308.977.416.672)	
(Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu đặc biệt	10	(882.146.764.996)	(423.808.765.282)	
(Giảm) nguồn dự phòng để tất toán số dư nợ đã bán cho VAMC	12	(435.637.022.480)	(484.088.400.000)	
Tăng/(giảm) khác về tài sản hoạt động		11.310.087.254	(4.601.211.731)	
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
(Giảm)/Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		3.412.401.861.557	(1.500.649.214.980)	
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		(1.764.502.073.798)	(4.312.326.663.856)	
Tăng tiền gửi của khách hàng		4.760.733.570.699	11.463.400.678.491	
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(23.609.578.683)	(115.768.376.115)	
(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(47.835.990.000)	52.591.090.000	
Tăng khác về công nợ hoạt động		13.849.387.094	49.046.544.211	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.387.357.978.414	3.993.439.443.478	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(27.537.986.663)	(55.226.219.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27.537.986.663)	(55.226.219.297)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(206.915.000)	(198.842.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(206.915.000)	(198.842.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.359.613.076.751	3.938.014.382.181
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		16.961.196.376.560	13.023.181.994.379
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	32	19.320.809.453.311	16.961.196.376.560

Người phê duyệt



Cao Nam Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người phê duyệt



Nguyễn Quỳnh Anh
Kế toán trưởng

Người lập



Vương Thị Ngọc Lan
TP. Kế toán tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “BVB” hoặc “Ngân hàng”) là công ty liên kết của Tập đoàn Bảo Việt và do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 49,52% vốn điều lệ. Tập đoàn Bảo Việt là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa (trước khi cổ phần hóa là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam) và chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 15 tháng 10 năm 2007.

Ngân hàng được thành lập ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép số 328/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 vào ngày 19 tháng 08 năm 2021.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động ngân hàng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 3.150.000.000.000 VND.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tầng 1 và tầng 5, tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là hai mươi hai (22) chi nhánh trong nước, một (01) văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.549 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.570 người).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Thông tư số 31/2024/TT-NHNN và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, NHNNVN đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 31”). Thông tư 31 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoả (“Nghị định 86”). Nghị định 86 có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Theo quy định của Thông tư 31, Thông tư số 11/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư 31 có hiệu lực thi hành.

Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 kể từ ngày Thông tư 31 và Nghị định 86 có hiệu lực thi hành. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Ngân hàng và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 4 Dự phòng rủi ro tín dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Thuyết minh số 42). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày kết thúc năm tài chính để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Tại thời điểm cuối năm, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, kim loại quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11 (trước ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Thông tư số 31/2024/NHNN-TT (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định số 86/2024/NHNN-NĐ (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Thống đốc NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại các TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài và cho vay các TCTD khác tương tự như đối với các khoản cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng
Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Việc phân loại nợ cho các tài sản có phát sinh từ các hoạt động sau:

- Cho vay;
 - Cho thuê tài chính;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bao thanh toán;
 - Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
 - Trả thay theo cam kết ngoại bảng;
 - Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết;
 - Ủy thác cấp tín dụng;
 - Gửi tiền (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
 - Mua bán nợ;
 - Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
 - Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành
- được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 11.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Việc phân loại nợ cho các tài sản có phát sinh từ các hoạt động sau (“sau đây gọi là các khoản nợ”):

- Cho vay;
 - Cho thuê tài chính;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bao thanh toán;
 - Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
 - Trả thay theo cam kết ngoại bảng;
 - Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết;
 - Ủy thác cấp tín dụng;
 - Gửi tiền (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
 - Mua bán nợ;
 - Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
 - Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành
 - Nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng.
- được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi thực hiện phân loại nợ đồng thời theo Điều 10, Điều 11 của Thông tư 31 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) của NHNN cung cấp tại thời điểm phân loại nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN (“Thông tư 02”) và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02 (“Thông tư 06”), Thông tư 53/2024/TT-NHNN và các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cơ cấu nợ giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng để thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro (“Thông tư 53”). Theo đó, các khoản nợ phát sinh trước ngày 24/04/2023 và có nghĩa vụ trả nợ từ 24/04/2023 đến 30/06/2024, chưa đến hạn hoặc quá hạn không quá 10 ngày được xem xét cơ cấu gia hạn không quá 12 tháng tùy theo điều kiện khó khăn và đánh giá nguồn trả nợ của khách hàng.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng cần trích dự phòng cụ thể đối với các khách hàng có số dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư này như sau:
- Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2024: Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo Thông tư 53, các khách hàng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Hoà Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa có số dư nợ gốc phát sinh trước ngày 07/9/2024 và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính và Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2024 đến hết ngày 31/12/2025 chưa đến hạn thanh toán hoặc quá hạn chưa đến 10 ngày được cơ cấu lại thời điểm trả nợ không quá 31/12/2027.

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành: Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 31 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024), trong đó có tính đến số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vào thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm đó.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 11 (trước ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024). Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Thông tư 11 (trước ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày 31 tháng 12, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ và các khoản nợ phát sinh từ hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 86 giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bán nợ cho công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”)

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo nghị định 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09 tháng 07 năm 2013 về “thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC (“Thông tư 19”) và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2016 và Thông tư số 09/2017/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 và công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán nợ gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ đã bán.

Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục “Thu nhập khác”.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Thông tư 11 (trước ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024). Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng theo Thông tư 11 (trước ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024). Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ mà Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng theo Thông tư 11 (trước ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024). Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất, và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hân trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có được trích lập dự phòng theo Thông tư 11 (trước ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024). Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Đối với trái phiếu phát sinh từ nghiệp vụ mua bán nợ với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), Ngân hàng trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 và theo các văn bản khác có liên quan của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”.

Phân loại lại

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa một (01) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư. Trong những trường hợp đặc biệt hoặc khi có số lượng lớn chứng khoán phải phân loại lại (lớn hơn hoặc bằng 50% giá trị khoản mục), Ngân hàng sẽ thực hiện thuyết minh trên báo cáo tài chính về sự tác động của việc phân loại lại trong tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như thu nhập và chi phí của Ngân hàng.

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch). Chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo các chính sách kế toán trình bày ở phần trên.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tại thời điểm nhận tài sản thuê, Ngân hàng ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản cố định thuê tài chính và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính (số tiền lãi thuê tài chính) và khoản phải trả nợ gốc từng kỳ sao cho số tiền thanh toán mỗi kỳ bằng nhau.

Ngân hàng tính, trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính vào chi phí khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Ngân hàng. Nếu không chắc chắn là Ngân hàng sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Giá trị tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục chi phí hoạt động khác trong suốt thời hạn thuê tài sản.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định.

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (số năm)
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	04
Phần mềm máy tính	05
Tài sản cố định vô hình khác	03

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên và không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng phái sinh tiền tệ của Ngân hàng bao gồm hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi. Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

Đối với các hợp đồng phái sinh tiền tệ này, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng tại khoản mục “Các khoản lãi, phí phải thu” hoặc “Các khoản lãi, phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi được đánh giá lại và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các hợp đồng kỳ hạn được hạch toán vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Ngân hàng có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng khác được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12, Luật 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

Quỹ	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác được trích lập theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Theo Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 1 năm 2024 (“Luật các tổ chức tín dụng”), Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng, hàng năm, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

Quỹ	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được dùng để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho chủ sở hữu, thành viên góp vốn và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Doanh thu và chi phí

Thu nhập và chi phí lãi

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5, lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu lãi và chi phí lãi của các khoản chứng khoán đầu tư được hạch toán theo nguyên tắc dự thu, dự chi. Đối với các khoản lãi dự thu phát sinh từ các khoản chứng khoán đầu tư bị quá hạn sẽ không được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và các khoản dự thu này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu.

Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh, hoạt động thư tín dụng

Các khoản thu nhập từ phí bảo lãnh, thư tín dụng được hạch toán trên cơ sở dự thu, phân bổ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng sẽ hạch toán vào “Thu nhập từ hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lợi ích của nhân viên

Mức lương hưu hằng tháng

Ngân hàng phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương chức danh hàng tháng cho thời gian làm việc tại Ngân hàng của người lao động. Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận lương hưu hằng tháng từ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khi đáp ứng đủ các điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trường hợp người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Trợ cấp mất việc

Theo Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập; bán, cho thuê, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Mỗi năm làm việc được trả 01 tháng lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật việc làm năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có góp vốn vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Cần trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cần trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cần trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.